TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2021/QĐST-DS	*Bù Gia Mập, ngày 14 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-DS ngày 12/5/2021, về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn 02, xã L B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

* *Bị đơn:* Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 6B, xã B T, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lương Đình M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 02, xã L B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Ông Võ Văn T đồng ý có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Trần Thị N, ông Lương Đình M số tiền gốc vay 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến nay (ngày 04/6/2021) với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2.2. Về thời hạn trả: Ông T đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà N, ông M số tiền 200.000.000 đồng khi Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (của vụ án này) có hiệu lực pháp luật.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng, ông T có nghĩa vụ chịu nộp toàn bộ.

Trả lại bà N số tiền tạm ứng án phí 6.335.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007623 ngày 12/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Đương sự;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Thị Hải Ly